TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - ĐB** TỈNH ĐB	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2026/HS-ST
Ngày 27- 03 - 2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - ĐB

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - *Chủ toạ phiên toà:* Bà Bạc Thị Liên

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Cao Thị Hồng Minh

Ông Lò Văn Hoan

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Hà Đặng Phương Linh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - ĐB

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - ĐB tham gia phiên toà:*** Bà Vũ Thị Hà Chi - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 03 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - ĐB xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 69/2026/TLST-HS ngày 27 tháng 02 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 82/2026/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 03 năm 2026, đối với bị cáo:

1**. Họ và tên**: **Và A S**; Tên gọi khác: Không có tên gọi khác; sinh năm: 1985, tại: tỉnh S; Nơi ĐK thường trú: bản N, xã M, tỉnh S. Nơi ở trước ngày bị bắt: Bản P, phường Đ, tỉnh ĐB; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 0/12; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Và A V và bà Phá Thị L; có vợ là Ly Thị S1; có 07 con; Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 12/7/2018 bị TAND huyện ĐB (cũ) nay là TAND khu vực 2- ĐB xét xử 18 tháng tù về tội " Tàng trữ trái phép chất ma tuý". Ngày 30/6/2019 đã chấp hành xong hiện bản án này đã xoá án tích.

Ngày 15/3/2022 bị Công an huyện T tỉnh S ra Quyết định xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc mức phạt 1.500.000đ (đã hết thời hiệu)

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 08/12/2025 cho đến nay, bị cáo có mặt tại phiên toà.

2 Người phiên dịch cho bị cáo: Bà Giàng Thị Chu, sinh năm 1990, trú tại bản H, phường Đ (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ ngày 03/10/2025, Và A S điều khiển xe máy (mượn của em trai Và A M) đi từ nhà ở bản P, phường Đ đến bản N, xã T, tỉnh ĐB để tìm mua Heroine sử dụng. Khi đến giữa bản N, S gặp một người phụ nữ dân tộc Mông không quen biết hỏi mua được 01 gói Heroine được gói ngoài bằng mảnh nilon màu xanh với giá 50.000 đồng. Sau đó S cầm gói Heroine trong lòng bàn tay trái rồi điều khiển xe về nhà. Thấy không có ai ở nhà, S ngồi gần cửa ra vào rồi lấy mảnh giấy bạc màu vàng từ trong túi áo, dùng tay vuốt phẳng mảnh giấy bạc và đổ toàn bộ số Heroine trong gói nilon vừa mua được lên và dùng bật lửa hơ nóng mảnh giấy bạc đến khi khói Heroine bốc lên thì dùng miệng hít vào. Sau khi sử dụng xong, S vứt mảnh giấy bạc và mảnh nilon màu xanh đi ở chỗ nào thì không nhớ, còn chiếc bật lửa S cất vào túi quần đang mặc.

Sau khi tiếp nhận tin báo của công dân, ngày 06/10/2025 Công an phường Đ đã tiến hành test nhanh kiểm tra chất ma túy trong cơ thể Và A S, kết quả: Dương tính với chất ma túy, đồng thời thu mẫu nước tiểu để trưng cầu giám định chất ma túy có trong cơ thể Và A S. Tại bản kết luận giám định độc chất số 807/1131/KLGĐĐC-PYQG ngày 10/10/2025 và Công văn số 685/PYGQ-ĐC ngày 11/11/2025 của Viện Pháp y Quốc gia kết luận: Trong mẫu nước tiểu của Và A S gửi giám định tìm thấy Morphin là sản phẩm chuyển hóa của Heroine. Và A S đã hoàn thành cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình ngày 07/12/2024, và cùng ngày UBND xã T1 (cũ) đã ban hành Quyết định số 1336/QĐ-UBND về việc quản lý sau cai nghiện tại nơi cư trú (từ ngày 07/12/2024 đến ngày 07/12/2025) theo quy định của Luật Phòng, chống ma túy.

Tại Bản cáo trạng số: 66/CT-VKSKV1 ngày 27/02/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - ĐB truy tố bị cáo Và A S về tội: *"Sử dụng trái phép chất ma túy*" theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 256a Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025 (sau đây gọi tắt là BLHS).

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 256a; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo từ 02 năm 01 tháng đến 02 năm 03 tháng tù về tội: *"Sử dụng trái phép chất ma túy*". Về vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tịch thu tiêu huỷ 01 bật lửa màu đỏ.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng, không tranh luận và hoàn toàn nhất trí với bản Cáo trạng, Luận tội của Kiểm sát viên. Lời nói sau cùng của bị cáo xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về các hành vi và Quyết định tố tụng của Cơ quan CSĐT Công an tỉnh ĐB, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - ĐB, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc có khiếu nại gì về hành vi, Quyết định của các Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, Quyết định tố tụng của các Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2]. Về hành vi phạm tội của bị cáo: Trưa ngày 03/10/2025, tại bản P, phường Đ, tỉnh ĐB Và A S là người đang trong thời hạn quản lý sau cai nghiện ma túy theo quy định của Luật Phòng chống ma túy đã có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy là Heroine.

Bị cáo sử dụng trái phép chất ma túy khi đang trong thời hạn quản lý sau cai cụ thể: Và A S đã hoàn thành cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình ngày 07/12/2024, và cùng ngày UBND xã T1 (cũ) đã ban hành Quyết định số 1336/QĐ-UBND về việc quản lý sau cai nghiện tại nơi cư trú (từ ngày 07/12/2024 đến ngày 07/12/2025) theo quy định của Luật Phòng, chống ma túy.

Lời khai của bị cáo tại phiên toà phù hợp với bản Kết luận giám định, Kết luận điều tra và các bản cung, tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như Cáo trạng đã truy tố. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Vì vậy, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội: “Sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 256a Bộ luật Hình sự.

Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - ĐB truy tố bị cáo là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ, động cơ hành vi phạm tội của bị cáo: Bị cáo nhận thức được tác hại của ma túy đối với bản thân và cộng đồng cũng như nhận thức được chính sách pháp luật hình sự của nhà nước đối với những hành vi mua bán, tàng trữ, sử dụng... trái phép chất ma túy nhưng để thỏa mãn nhu cầu sử dụng ma túy của bản thân, bị cáo đã bất chấp các quy định của pháp luật, cố ý thực hiện hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm quy định của nhà nước về chế độ quản lý, sử dụng các chất ma túy mà còn ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự trên địa bàn. Tội phạm mà bị cáo vi phạm là tội phạm ít nghiêm trọng, bị cáo cần phải bị xử lý nghiêm minh trước pháp luật.

[4] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

- Ngày 12/7/2018 bị TAND huyện ĐB (cũ) nay là TAND khu vưc 2- ĐB xét xử 18 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma tuý". Ngày 30/6/2019 bị cáo đã chấp hành xong hiện bản án này đã xoá án tích.

Ngày 15/3/2022 bị Công an huyện T tỉnh S ra Quyết định xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc mức phạt 1.500.000đ (đã hết thời hiệu xử lý). Mặc dù bản đã được xoá án tích nhưng cho thấy nhân thân của bị cáo xấu.Tuy nhiên trong quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, quá trình điều tra, truy tố bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51/ BLHS.

[5]. Về hình phạt đối với bị cáo: Sau khi xem xét về hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Cần phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để bị cáo có điều kiện cai nghiện đồng

thời giáo dục, cải tạo bị cáo thành người công dân có ích cho gia đình và xã hội. Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát về mức hình phạt với bị cáo là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với người phụ nữ bán trái phép ma túy cho bị cáo, do không xác định được tên, địa chỉ nên Cơ quan điều tra không có cơ sở để điều tra, làm rõ.

Và A M cho bị cáo Và A S mượn xe nhưng S khai M không biết việc S mượn xe đi mua ma túy. Và A M hiện không có mặt tại nơi cư trú nên Cơ quan điều tra sẽ tiến hành điều tra, làm rõ để xử lý sau khi có căn cứ.

[6] Về vật chứng của vụ án: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu huỷ 01 bật lửa màu đỏ.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của BLTTHS và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 256a; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025:

1. Tội danh: Tuyên bố bị cáo Và A S phạm tội *"Sử dụng trái phép chất ma túy"*.

2. Hình phạt: Xử phạt bị cáo Và A S 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam (ngày 08/12/2025).

3. Xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a, c khoản 2 Điều 106 BLTTHS

- Tịch thu tiêu huỷ 01 bật lửa màu đỏ. (Vật chứng đã được Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh ĐB chuyển cho Phòng thi hành án dân sự khu vực 1-ĐB vào ngày 27/02/2026 đặc điểm vật chứng mô tả theo biên bản giao nhận).

4. Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136/BLTTHS và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án: Buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự: Bị cáo

được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 27/3/2026).

Nơi nhận:
- TAND tỉnh ĐB;
- VKSND tỉnh ĐB;
- VKSND khu vực 1 - ĐB;
- Công an tỉnh ĐB (Phòng HSNV + CQCSĐT + CQTHAHS);
- Phân trại tạm giam M;
- THADS tỉnh ĐB;
- Bị cáo;
- Lưu: Hs, hs THAHS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bạc Thị Liên